

e) Tăng cường chính sách quản lý môi trường đô thị, đảm bảo cho các đô thị phát triển ổn định, bền vững và trường tồn trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có biện pháp đẩy mạnh và duy trì phong trào giữ gìn đô thị xanh, sạch, đẹp tại các đô thị.

Điều 2.- Căn cứ vào định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị đã được phê duyệt, Bộ Xây dựng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành rà soát lại quy hoạch chung các đô thị, lập quy hoạch chi tiết các khu vực xây dựng giai đoạn I đến năm 2005 để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành; tổ chức triển khai việc lập, thực hiện các dự án đầu tư để phát triển đồng bộ các đô thị phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng thời kỳ 1996 - 2010 và các quy hoạch ngành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 3.- Bộ trưởng Bộ Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức quản lý xây dựng các đô thị theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo gìn giữ trật tự kỷ cương và đưa công tác quản lý xây dựng đô thị vào nề nếp.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHAI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 về cơ chế điều hành xuất, nhập khẩu năm 1998.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 59-CP của Chính phủ ngày 5-6-1997;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu năm 1998:

- Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (Phụ lục 1).

- Danh mục hàng hóa quản lý bằng hạn ngạch (Phụ lục 2).

- Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu quản lý chuyên ngành (Phụ lục 3).

- Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có cân đối với sản xuất và nhu cầu trong nước (Phụ lục 4).

Điều 2.- Hàng hóa xuất, nhập khẩu quản lý bằng hạn ngạch.

a) Đối với hàng dệt may xuất khẩu vào thị trường có hạn ngạch quy định của các nước, thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 6228-KTTH ngày 5-12-1997.

b) Gạo: Phê duyệt hạn ngạch xuất khẩu năm 1998 là 4 triệu tấn.

Việc điều hành xuất khẩu gạo năm 1998 thực hiện theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở tổng kết việc điều hành xuất khẩu gạo năm 1997, củng cố và đổi mới hoạt động của Hiệp hội xuất nhập khẩu lương thực Việt Nam, giao Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục hoàn thiện cơ chế và tổ chức xuất khẩu gạo. Giao Bộ Tài chính chủ trì bàn với Bộ Thương mại và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xây dựng quỹ hỗ trợ sản xuất và kinh doanh xuất khẩu gạo; nghiên cứu thành lập "Trung tâm giao dịch xuất khẩu gạo". Cho phép thí điểm một số doanh nghiệp xay xát - chế biến lúa gạo ngoài quốc doanh và một số nông trường có đủ điều kiện được xuất khẩu trực tiếp.

Điều 3.- Hàng hóa, vật tư nhập khẩu có cần đối với sản xuất và nhu cầu trong nước:

a) Xăng dầu (trừ dầu nhờn):

- Bộ Thương mại điều hành, bảo đảm nhập năm 1998 khoảng 7 triệu tấn sản phẩm xăng dầu (không kể phần tạm nhập tái xuất), giao một lần từ đầu năm toàn bộ chỉ tiêu xăng dầu nhập khẩu cho các doanh nghiệp chuyên doanh, trong đó Tổng công ty Xăng dầu nhập khoảng 60% nhu cầu.

- Trường hợp cần điều chỉnh hạn mức nhập khẩu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Phân bón: Phê duyệt chỉ tiêu tối thiểu phân bón các loại nhập khẩu trong năm 1998:

- Phân Urê	1.600.000 tấn
- Phân DAP	300.000 tấn
- Phân SA	250.000 tấn
- Phân NPK	350.000 tấn
- Phân Kali	240.000 tấn.

Việc điều hành nhập khẩu phân bón năm 1998 thực hiện theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đối với những loại vật tư, hàng hóa được đáp ứng chủ yếu từ nguồn sản xuất trong nước như: thép xây dựng, xi măng các loại, giấy viết, giấy in các loại, đường tinh luyện, đường thô nguyên liệu, kính trắng xây dựng, giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng Bộ Tài chính, các Bộ quản lý sản xuất và Bộ Thương mại xác định nhu cầu nhập khẩu bổ sung và xây dựng quy chế điều hành để thực hiện từ đầu tháng 2 năm 1998, theo nguyên tắc:

- Chỉ nhập khẩu phần vật tư, hàng hóa, bao gồm các chủng loại, quy cách trong nước chưa sản xuất hoặc sản xuất chưa đủ nhu cầu.

- Các loại vật tư trong nước chưa sản xuất, được nhập khẩu theo nhu cầu và chịu sự điều tiết bằng thuế.

- Bộ Thương mại bảo đảm điều hành nhập khẩu chủng loại, quy cách và số lượng vật tư, hàng hóa cần nhập bổ sung theo quy chế điều hành nhập khẩu được liên Bộ thống nhất;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng Bộ Tài chính, các Bộ quản lý sản xuất và Bộ Thương mại điều hành để xử lý các vấn đề cụ thể, bảo đảm cung cầu của thị trường.

d) Đối với phôi thép và clinker, các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh được nhập khẩu theo nhu cầu và năng lực sản xuất.

Điều 4.- Hàng hóa xuất, nhập khẩu quản lý chuyên ngành:

Giao các Bộ hữu quan rà soát lại các danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo cơ chế quản lý chuyên ngành ban hành trong năm 1997, giảm bớt những mặt hàng xét thấy không cần hạn chế; xây dựng quy chế quản lý xuất khẩu, nhập khẩu để thống nhất với Bộ Thương mại trình Thủ tướng Chính phủ duyệt và giao Bộ Thương mại công bố chậm nhất cuối tháng 3 năm 1998. Cơ quan Hải quan căn cứ danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu chuyên ngành do Bộ Thương mại công bố để giải quyết thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 5.- Nhập khẩu hàng tiêu dùng:

Hàng tiêu dùng nhập khẩu được điều tiết bằng thuế và các phương thức thanh toán của Ngân hàng:

Các doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng được nhập khẩu theo nhu cầu và đóng thuế nhập khẩu theo luật định; bãi bỏ việc cấp chỉ tiêu và giấy phép nhập hàng tiêu dùng; riêng mặt hàng rượu, nhập khẩu theo hướng dẫn của Bộ Thương mại.

Bộ Thương mại chủ trì cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước... xác định danh mục mặt hàng tiêu dùng cần được điều tiết bổ sung bằng thuế và các phương thức thanh toán của ngân hàng để triển khai thực hiện ngay từ đầu năm, theo hướng hạn chế thấp nhất nhập hàng tiêu dùng chưa thật cần thiết và mặt hàng trong nước đã sản xuất được.

Điều 6.- Việc nhập khẩu ô-tô và xe gắn máy các loại:

a) Đối với ô-tô nguyên chiếc các loại (trừ ô-tô từ 12 chỗ ngồi trở xuống), các doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng được nhập khẩu theo nhu cầu sản xuất - kinh doanh; bãi bỏ việc cấp giấy phép nhập khẩu.

Bộ Tài chính điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu đối với các loại xe tải dưới 7 tấn và xe chở khách dưới 60 chỗ ngồi để hạn chế nhập khẩu hai loại xe này.

b) Đối với xe ô-tô du lịch từ 12 chỗ ngồi trở xuống và xe hai bánh gắn máy các loại: trước mắt chưa nhập khẩu xe nguyên chiếc; các doanh nghiệp lắp ráp - sản xuất ô-tô các loại và xe hai bánh gắn máy có vốn đầu tư nước ngoài được nhập khẩu linh kiện để sản xuất - lắp ráp theo đúng giấy phép đầu tư đã cấp và phù hợp với các tiêu chuẩn quy định hiện hành của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và của Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ kế hoạch sản xuất - lắp ráp xe ô-tô các loại và xe 2 bánh gắn máy của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, của các doanh nghiệp trong nước đã đầu tư sản xuất lắp ráp được xe 2 bánh gắn máy dạng IKD, Bộ Thương mại phê duyệt kế hoạch nhập khẩu cả năm và thông báo một lần để các doanh nghiệp chủ động bảo đảm kế hoạch sản xuất và thị trường tiêu thụ.

Giao Bộ Thương mại chủ trì cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp, Tổng cục Hải quan, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành thông tư hướng dẫn trong tháng 2 năm 1998 để thực hiện các quy định trên.

c) Để bảo đảm cung - cầu đối với xe hai bánh gắn máy các loại trong khi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa phát huy đủ năng lực sản xuất - lắp ráp trong năm 1998, cho phép các doanh nghiệp trong nước đã có giấy phép lắp ráp xe hai bánh gắn máy dạng CKD nhập khẩu 100.000 bộ linh kiện CKD để lắp ráp - kinh doanh xe gắn máy các loại.

Căn cứ tiêu chuẩn xí nghiệp lắp ráp xe hai bánh gắn máy dạng CKD đã được Bộ Công nghiệp phối hợp cùng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phân loại, Bộ Thương mại giao chỉ tiêu nhập khẩu cho các doanh nghiệp một lần ngay từ tháng 1 năm 1998 và thông báo cho các cơ quan hữu quan biết để phối hợp điều hành.

Điều 7.- Việc xuất khẩu sản phẩm gỗ và nhập khẩu gỗ nguyên liệu thực hiện theo Quyết định số 1124/1997/QĐ-TTg ngày 25-12-1997 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các loại vật tư hàng hóa khác ngoài danh mục hàng hóa đã quy định trên, các doanh

niệp được xuất nhập khẩu theo nhu cầu và hướng dẫn của Bộ Thương mại.

Điều 8.- Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể việc thi hành Quyết định này; chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan điều hành đẩy mạnh xuất khẩu, quản lý chặt chẽ nhập khẩu để bảo đảm mức nhập siêu trong năm không vượt quá 20% kim ngạch xuất khẩu năm 1998.

Điều 9.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký đến ngày 31 tháng 3 năm 1999. Trong quá trình thi hành, Bộ Thương mại theo dõi tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý các vấn đề vướng mắc nảy sinh vượt thẩm quyền các Bộ, ngành.

Điều 10.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN MẠNH CẦM

Phụ lục 1

DANH MỤC hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu năm 1998

(ban hành kèm theo Quyết định số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ).

I. MẶT HÀNG CẤM XUẤT KHẨU

1. Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự.
2. Đờ cổ.
3. Các loại ma túy.
4. Hóa chất độc.

09665515

5. Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ bóc, củi, than hàm từ gỗ hoặc củi, các sản phẩm gỗ lâm sản sản xuất từ nhóm IA và ván tinh chế sản xuất từ nhóm gỗ IIA trong danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 18-HĐBT ngày 17-1-1992; song mây nguyên liệu.

6. Các loại động vật hoang và động vật, thực vật quý hiếm tự nhiên.

II. MẬT HÀNG CẤM NHẬP KHẨU

1. Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự.

2. Các loại ma túy.

3. Hóa chất độc.

4. Các loại văn hóa phẩm đồi trụy, phản động.

5. Pháo các loại. Đồ chơi trẻ em có ảnh hưởng xấu đến giáo dục nhân cách, đến trật tự an toàn xã hội.

6. Thuốc lá điếu (trừ hành lý cá nhân theo định lượng).

7. Hàng tiêu dùng đã qua sử dụng (trừ tài sản di chuyển bao gồm cả hàng hóa phục vụ nhu cầu của các cá nhân thuộc thân phận ngoại giao của các nước, các tổ chức quốc tế và hành lý cá nhân theo định lượng).

8. Ô-tô và phương tiện tự hành các loại có tay lái nghịch (kể cả dạng tháo rời).

9. Phụ tùng đã qua sử dụng của các loại ô-tô, xe hai bánh và ba bánh gắn máy; kể cả khung gầm có gắn động cơ ô-tô các loại đã qua sử dụng.

Ghi chú:

1. Việc xuất khẩu hàng thuộc danh mục nói trên, trong trường hợp có nhu cầu cho an ninh quốc phòng hoặc nhu cầu khác, sẽ do Thủ tướng cho phép hoặc giao Bộ trưởng Bộ Thương mại cho phép và hải quan giải quyết thủ tục.

2. Việc cấm xuất khẩu động thực vật theo yêu cầu bảo vệ môi sinh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn trong văn bản riêng.

3. Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan thống nhất hướng dẫn thi hành mục II. 7.

4. Việc nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng (bao gồm cả phụ tùng, linh kiện) khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Phụ lục 2

DANH MỤC hàng quản lý bằng hạn ngạch 1998

(ban hành kèm theo Quyết định số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ).

MẬT HÀNG XUẤT KHẨU

- Gạo.

- Hàng dệt, may xuất khẩu vào Eu, Canada, Nauy, Thổ Nhĩ Kỳ.

Phụ lục 3

DANH MỤC hàng hóa xuất nhập khẩu theo quản lý chuyên ngành¹

(ban hành kèm theo Quyết định số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ).

1. Danh mục khoáng sản hàng hóa xuất khẩu, hóa chất nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Bộ Công nghiệp.

2. Danh mục thực vật, động vật rừng xuất khẩu, thuốc và nguyên liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và thú y; thức ăn và nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc theo quy chế hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Danh mục thuốc, chất gây nghiện, chất hướng tâm thần và tiền chất. Một số máy móc, thiết bị, dụng cụ khám chữa bệnh cho người, nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Danh mục thủy sản quý hiếm, thủy sản sống dùng làm giống, thức ăn và thuốc chữa bệnh

1. Danh mục cụ thể các loại hàng hóa nói trên thực hiện theo Nghị định số 89-CP ngày 15-12-1995 của Chính phủ.

trong nuôi trồng thủy sản, xuất, nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Bộ Thủy sản.

5. Máy phát sóng, thiết bị thu phát và truyền dẫn vô tuyến; các loại tổng đài, nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Tổng cục Bưu điện.

6. Các ấn phẩm văn hóa, tác phẩm mỹ thuật Nhà nước quản lý, tác phẩm điện ảnh, thiết bị in đặc biệt, băng hình có ghi chương trình, xuất, nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Bộ Văn hóa - Thông tin.

7. Thiết bị, máy móc chuyên ngành ngân hàng, xuất, nhập khẩu theo quy chế hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Phụ lục 4

DANH MỤC hàng hóa, vật tư nhập khẩu có cân đối với sản xuất và nhu cầu trong nước

(ban hành kèm theo Quyết định số 11/1998/QĐ-TTg ngày 23-1-1998 của Thủ tướng Chính phủ).

1. Xăng dầu.
2. Phân bón.
3. Thép xây dựng các loại.
4. Xi măng các loại.
5. Giấy viết, giấy in các loại.
6. Kính xây dựng.
7. Đường tinh luyện, đường thô nguyên liệu.
8. Rượu.